

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Xét Công văn số 1355/UBND-KTHTĐT ngày 31/3/2026 của UBND phường Bim Sơn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hói Lỗ - Đìa La - Cổ Ngựa, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung nay là phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 533/TTr-SNNMT ngày 15/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ủy ban nhân dân phường Bim Sơn được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hói Lỗ - Đìa La - Cỏ Ngựa, phường Bim Sơn với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hói Lỗ - Đìa La - Cỏ Ngựa, phường Bim Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. UBND phường Bim Sơn được thành lập trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Đông Sơn, Lam Sơn và Ba Đình (thị xã Bim Sơn), xã Hà Vinh theo Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 2803174487.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích: 74.660,3 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Quy mô dân số: 800 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo

về môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường Bím Sơn

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Ủy ban nhân dân phường Bím Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, khí thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 06/5/2026 đến ngày 06/5/2036).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND phường Bím Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hói Lỗ - Đìa La - Cổ Ngựa, phường Bím Sơn theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Bím Sơn;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized 'C' followed by several loops and a long horizontal stroke at the bottom.

Cao Văn Cường

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ THỰC HIỆN YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong dãy LK-A.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong dãy LK-B.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong dãy LK-C.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong dãy LK-D.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong dãy LK-E.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong dãy LK-F.
- Nguồn số 07: Nước thải rửa sàn khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Mương tiêu thoát nước phía Nam dự án, sau đó thoát sông Càn thuộc thôn Đại Lợi, phường Bím Sơn

2.2. *Vị trí xả thải:* Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0): X = 2218239,85 (m); Y = 596133,77 (m).

2.3. *Lưu lượng xả thải lớn nhất:* 100 m³/ngày.đêm.

2.4. *Phương thức xả thải:* Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải được dẫn theo đường ống uPVC (D200; L = 102,7 m; i = 0,5%) → Đường ống uPVC (D200; L = 9,7 m; i = 0,5%) → Mương thoát nước phía Nam dự án, sau đó dẫn ra mương tiêu thoát nước nông nghiệp phía Đông Nam dự án → Bơm cường bức ra sông Càn (qua trạm bơm Đức Cường).

2.5. *Chế độ xả nước thải:* Xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:* Dòng nước thải xả ra môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2025/BTNMT (cột B, bảng 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 40		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)		≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 6,0		
8	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	≤ 5.000		
9	Sunfua (S ²)	mg/l	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Tuyến thu gom số 01:

+ Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của các khu nhà: LKA, LKB, LKC; LKD, LKE, LKF → Bể tự hoại → Đường ống D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải tắm rửa, giặt giũ của các khu nhà: LKA, LKB, LKC; LKD, LKE, LKF → Hồ ga → Đường ống D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn, nhà bếp của các khu nhà: LKA, LKB, LKC; LKD, LKE, LKF → Bể tách dầu mỡ → Đường ống D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tuyến thu gom số 02: Nước thải rửa sàn khu vực tập kết rác thải sinh hoạt → Đường ống uPVC D90 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý

- Công trình xử lý sơ bộ: 180 bể tự hoại; thể tích mỗi bể là 1,0 m³ (kích thước 1,0 m x 1,0 m x 1,0 m) được xây dựng trong mỗi hộ dân.

- Trạm xử lý nước thải tập trung: 01 hệ thống, công suất 100 m³/ngày.đêm. Các bể chức năng gồm: Bể gom (thể tích 3,0 m³); bể điều hòa (thể tích 30,9 m³); bể thiếu khí (thể tích 29,16 m³); bể hiếu khí (thể tích 44,496 m³); bể lắng (thể tích 21,87 m³); bể chứa bùn (thể tích 12,96 m³); bể khử trùng (thể tích 9,72 m³).

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất thiết kế: 100 m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Quy trình: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (sông Càn).

+ Hóa chất sử dụng: Methanol/ri đường, PAC, Javen (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A của Phụ lục này).

+ Các thiết bị công nghệ: Hệ thống bồn chứa, pha hóa chất, hệ thống bơm nước thải, bơm hóa chất, bơm bùn, máy thổi khí, động cơ khác.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí máy móc, thiết bị dự phòng khi xảy ra sự cố thiết bị có thể khắc phục ngay; định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra để kiểm soát lưu lượng xả thải.

- Lập nhật ký vận hành và ghi chép đầy đủ các thông số: Lưu lượng nước thải, thông số vận hành trạm xử lý nước thải, lượng hóa chất sử dụng, chỉ số điện tiêu thụ, ... vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Khi trạm gặp sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố; đồng thời, dừng hoạt động phát sinh nước thải để hạn chế phát sinh nước thải cần phải thu gom, xử lý; khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày dự án hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, trước khi đi vào vận hành chính thức.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom.
- Mẫu nước thải đầu ra tại bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.6, Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành thường xuyên trạm xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra và lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (ghi rõ số chỉ đồng hồ hàng ngày, hóa chất sử dụng, thời điểm sửa chữa, thay thế đồng hồ (nếu có) ...).

3.4. Báo cáo cơ quan cấp Giấy phép môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5

Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.6. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về cơ quan cấp Giấy phép môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định khoản 11 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6, Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm, máy khuấy của các trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, như sau:

2.1. Tiếng ồn

STT	Nguồn	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dBA			Ghi chú
		Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	
1	Nguồn số 01	55	50	45	Khu vực B

2.2. Độ rung

STT	Nguồn	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dB		Ghi chú
		Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	
1	Nguồn số 01	65	60	Khu vực B

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng của máy bơm).

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại, từ quá trình bảo dưỡng, bảo trì	Rắn	18 02 01	98,5
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	273
3	Pin hỏng	Rắn	19 06 05	9
4	Linh kiện điện tử hư hỏng	Rắn	16 01 13	83
5	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	55
6	Tổng			518,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến phát sinh (tấn/năm)
1	Bùn nạo vét hệ thống thoát nước	0,22
2	Bùn thải từ bể tự hoại	28,032
Tổng		28,252

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Hạng mục	Tổng
1	Chất thải rắn sinh hoạt (tấn/năm)	262,8

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng
1	Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải	12 06 05	tấn/năm	21,9
Tổng				21,9

- Phương thức quản lý: UBND phường Bim Sơn hợp đồng với đơn vị có chức năng phân tích hàm lượng chất thải nếu vượt quy chuẩn về chất thải nguy hại, hợp đồng xử lý theo chất thải nguy hại, nếu không vượt, xử lý như chất thải thông thường; nếu không thực hiện phân tích thì xử lý như chất thải nguy hại.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa*: Bố trí 3 thùng phuy có nắp đậy, dung tích 200 lít, có dán mã CTNH, biển cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Bố trí 01 khu tập kết chất thải rắn tập trung có diện tích 15 m², trong đó ngăn chứa chất thải nguy hại có diện tích 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo kho: Có tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền lát đồ bê tông, có rãnh, hố thu chất lỏng rò rỉ được bố trí bên trong các ô lưu giữ chất thải. Mỗi ô lưu giữ chất thải có bố trí các thùng chứa, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Trong kho có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng ngừa, chữa cháy.

- Kho lưu chứa CTNH đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại, có lắp đặt hệ thống thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Không có kho lưu trữ riêng, bùn thải được đơn vị thu gom trực tiếp.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí các thùng nhựa có dung tích 100 lít đặt tại khu vực công cộng, khuôn viên cây xanh với số lượng 20 thùng.

- Bố trí 04 xe thu gom rác 0,5m³/xe đặt tại khu tập kết rác thải (góc cây xanh phía Tây Nam dự án).

2.3.2. *Khu vực lưu giữ*: Bố trí 01 điểm tập kết chứa chất thải rắn có diện tích 15m² (trong đó chia 2 ngăn; ngăn chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10 m², ngăn chứa chất thải rắn nguy hại có diện tích 5 m²). Điểm tập kết có mái che, nền bê tông. Tại ngăn chứa chất thải rắn sinh hoạt có đường ống thu gom nước vệ sinh, rửa sàn điểm tập kết đưa về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh

hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Quá trình thi công xây dựng đến đâu gọn đến đấy, không dàn trải trên toàn bộ diện tích nhằm hạn chế lượng mưa kéo theo chất bẩn, nhất là vào mùa mưa lũ.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) phục vụ quá trình thi công xây dựng cần che chắn bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần diện tích mặt nước trong khu vực dự án, đồng thời quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố ga tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố ga là 50m. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước 0,6 (m) x 0,6 (m); các hố ga tạm có kích thước 0,8 (m) x 0,8 (m) x 0,8 (m).

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 100 m, sau đó chảy vào hệ thống mương thoát nước phía Nam dự án.

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác xâm nhập vào mương thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Trang bị 01 máy bơm nước hố móng để tránh hiện tượng ngập úng khi mưa.

2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

- Đối với nước thải vệ sinh tay chân của công nhân với lưu lượng 2,525 m³/ngày.đêm, thu gom về 01 hố lắng tạm (thể tích V = 4,0 m³, kích

thước 2 (m) x 2 (m) x 1 (m)). Nước thải sau lắng, tái sử dụng phục vụ tưới đường đập bụi.

- Đối với nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) có lưu lượng 2,225 m³/ngày.đêm, thu gom bằng 05 nhà vệ sinh di động, kích thước 2,7 (m) x 1,35 (m) x 2,6 (m); hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 01 lần/ngày) đem đi xử lý bằng xe chuyên dụng.

- Đối với nước thải từ quá trình ăn uống có lưu lượng 0,3 m³/ngày.đêm được thu gom bằng bể tách dầu mỡ 02 ngăn có thể tích 1 m³, kích thước 1 (m) x 1 (m) x 1 (m).

- Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe có lưu lượng 18,0 m³/ngày.đêm thu gom về 02 hố lắng có thể tích khoảng 10 m³/hố (có lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm, kích thước mỗi hố 2,5 (m) x 2,0 (m) x 2,0 (m) tại cổng ra vào dự án - khu vực lán trại và tại nút giao giữa đường giao thông hiện trạng với khu vực dự án để xử lý. Nước thải sau khi lắng, tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường, váng dầu thu được lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại.

3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải

3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ quá trình đào đắp, bốc xúc

- Thi công bóc lớp đất mặt theo hình thức cuốn chiếu; đất bóc lớp đất mặt được đưa lên xe vận chuyển về khu vực trồng cây xanh và cải tạo lớp đất mặt luân. Không để tồn đọng trong khu vực thi công dự án để tránh việc phát tán bụi do gió và bùn đất bị rửa trôi do mưa gây ngập úng khu vực thi công, ách tắc dòng chảy tuyến kênh mương, ao hồ tại khu vực dự án.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công, các tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư lân cận; sử dụng xe téc 5,0 m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc; tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh, nắng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, găng tay, kính...theo quy định).

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án; không thải phế thải, chất thải không đúng nơi quy định trong và ngoài phạm vi dự án. Phe thải, chất thải sẽ được xử lý như trình bày cụ thể tại mục “giảm thiểu tác động do chất thải rắn”.

- Thực hiện đào đất đến đâu sẽ san nền, lu lèn tạo mặt bằng đến đó, để tránh bụi phát tán theo gió ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện san lấp, lu lèn theo đúng quy trình thi công để tăng độ gắn kết của các hạt đất, nhờ đó hạn chế được lượng bụi phát tán từ bề mặt san lấp.

- Xây dựng tường rào tôn dài 750 m, cao 2,5 m tại vị trí tiếp giáp với: Khu dân cư thôn Quý Vinh phía Bắc dự án; tuyến đường giao thông phía Đông dự án để giảm bụi phát tán vào khu dân cư và người tham gia giao thông.

3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động bụi phát sinh từ quá trình trút, đổ vật liệu

- Các vật liệu rời như đất, cát, đá sẽ được phun ẩm, tránh hiện tượng khô hanh gây phát tán bụi ra xung quanh.

- Bố trí bãi tập kết gần vị trí thi công để giảm quãng đường vận chuyển trong thời gian thi công, hạn chế tối đa việc trút đổ, tập kết vật liệu gần tuyến đường giao thông rất dễ phát sinh bụi do gió cuốn của các phương tiện đi qua làm ảnh hưởng việc lưu thông đi lại của người dân.

- Khu vực để vật liệu được quét dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ.

3.3. Biện pháp giảm thiểu tác động bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện thi công đào đắp

- Các phương tiện vận chuyển đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và môi trường.

- Có kế hoạch thi công hợp lý nhằm hạn chế các thiết bị máy móc thi công hoạt động đồng thời trong cùng một thời điểm sẽ phát sinh tải lượng bụi và khí thải lớn do cộng hưởng.

- Các máy móc, phương tiện thi công phải định kỳ bảo dưỡng; thay dầu máy theo quy định đối với từng loại thiết bị máy móc và phương tiện.

3.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển

- Tất cả các phương vận chuyển đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn; phương tiện tham gia thi công đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 19/2024/QĐ-TTg ngày 15/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp.

- Điều tiết số lượng xe phù hợp với thời gian và tiến độ thi công để tránh làm gia tăng quá mức mật độ xe hoạt động trên tuyến giao thông đi vào khu vực xây dựng công trình.

- Bố trí 02 khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) và khu vực nút giao vào dự án với đường bê tông hiện trạng. Lượng nước sử dụng rửa xe ra vào công trường được khai thác từ nguồn nước sạch tại khu vực dự án. Trạm rửa xe được xây bệ bê tông kết hợp vòi phun rửa nước áp lực cao, với diện tích 50 m² (kích

thước dài 10,0m x rộng 5m) để làm sạch bùn, đất trước khi xe ra khỏi công trường. Khu vực rửa xe được xử lý nền bằng bê tông và gia cố móng bằng cấp phối đá dăm đầm chặt, xây tường bao 2 bên bằng gạch bê tông mác M100, dày 20cm, cao 60cm đảm bảo chịu tải trọng xe ra vào. Nước thải rửa xe tự chảy về hồ lắng nước thải xây dựng để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Xây dựng tường rào tôn dài 750 m, cao 2,5 m tại vị trí tiếp giáp với: Khu dân cư thôn Quý Vinh phía Bắc dự án; tuyến đường giao thông phía Đông dự án để giảm bụi phát tán vào khu dân cư và người tham gia giao thông.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án (đặc biệt cổng vào dự án) khi thấy có đất cát vương vãi. Trong phạm vi công trường phải thực hiện phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày (đầu buổi sáng và buổi chiều), tần suất phun tưới nước có thể tăng lên nếu thấy bụi xuất hiện trên công trường thi công.

- Bố trí bãi tập kết gần vị trí thi công để giảm quãng đường vận chuyển trong thời gian thi công, hạn chế tối đa việc trút đổ, tập kết vật liệu gần tuyến đường giao thông rất dễ phát sinh bụi do gió cuốn của các phương tiện đi qua làm ảnh hưởng việc lưu thông đi lại của người dân.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công hạn chế thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối, trải bê tông và sơn vạch kẻ đường

- Trang bị máy quét sạch mặt đường có bố trí hệ thống thu bụi nhằm giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường xung quanh trong quá trình làm sạch mặt đường.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ cho công nhân, yêu cầu công nhân sử dụng bảo hộ lao động khi tham gia thi công.

4. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường và nguy hại

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng dung tích 40 lít/thùng thu gom chất thải rắn không tái chế; 01 thùng nhựa composite 120 lít thu gom chất thải tái chế. Sau đó, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

- + Đối với đất từ quá trình bóc lớp đất mặt được sử dụng nâng cos nền và trồng cây khu vực cây xanh.

+ Đối với đất không thích hợp từ quá trình thi công hạ tầng: Một phần được vận chuyển về khu vực cây xanh; phần còn lại được vận chuyển đi đổ thải.

+ Đối với chất thải rắn như bì bao bì xi măng, các mẫu sắt thừa, ống nhựa hư hỏng, đinh hỏng được thu gom hàng ngày chứa trong các bao bì xi măng, sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Đối với vật liệu: Đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi thu gom và vận chuyển đi đổ thải.

+ Đối với chất thải rắn từ quá trình phá dỡ móng bê tông và công trình trên đất: Được vận chuyển đi đổ thải.

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng và 01 thùng chứa dung tích 300 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa; hợp đồng với đơn vị để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT –

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B, bảng 1). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.